



## LUYỆN TẬP

1 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm :

a)  $35\text{m } 23\text{cm} = \dots \text{ m}$  ;      b)  $51\text{dm } 3\text{cm} = \dots \text{ dm}$  ;      c)  $14\text{m } 7\text{cm} = \dots \text{ m}$ .

2 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu) :

$315\text{cm} = \dots \text{ m}$  ;       $234\text{cm} = \dots \text{ m}$  ;       $506\text{cm} = \dots \text{ m}$  ;       $34\text{dm} = \dots \text{ m}$ .

*Mẫu :*       $315\text{cm} = 3,15\text{m}$ .

*Cách làm :*  $315\text{cm} = 300\text{cm} + 15\text{cm} = 3\text{m } 15\text{cm}$

$$= 3 \frac{15}{100} \text{ m} = 3,15\text{m}.$$

3 Viết các số đo sau dưới dạng số thập phân có đơn vị đo là ki-lô-mét :

a)  $3\text{km } 245\text{m}$  ;      b)  $5\text{km } 34\text{m}$  ;      c)  $307\text{m}$ .

4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a)  $12,44\text{m} = \dots \text{ m } \dots \text{ cm}$  ;

b)  $7,4\text{dm} = \dots \text{ dm } \dots \text{ cm}$  ;

c)  $3,45\text{km} = \dots \text{ m}$  ;

d)  $34,3\text{km} = \dots \text{ m}$ .